

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số: **5452** /TCHQ-GSQL

Hà Nội, ngày **19** tháng 9 năm 2018

V/v vướng mắc Luật Quản lý ngoại
thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP

Kính gửi: Bộ Công Thương.

Trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, Tổng cục Hải quan có nhận được các vướng mắc của Cục Hải quan tỉnh, thành phố và cộng đồng doanh nghiệp liên quan đến quy định tại Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 và các văn bản hướng dẫn, cụ thể như sau:

1. Vướng mắc về khái niệm khu vực hải quan riêng:

a. Nội dung vướng mắc

Qua rà soát văn bản quy phạm pháp luật: Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 6/4/2016 quy định khái niệm về khu phi thuế quan, Luật Quản lý ngoại thương số 05/2018/QH14 quy định khái niệm về khu vực hải quan riêng. Theo giải thích tại 02 văn bản quy phạm pháp luật này thì quan hệ trao đổi, mua bán hàng hóa giữa khu phi thuế quan/khu vực hải quan riêng với nội địa/phần lãnh thổ còn lại và nước ngoài là quan hệ xuất nhập khẩu.

Tại khoản 1 Điều 30 Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định *Khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất được áp dụng quy định đối với khu vực hải quan riêng, khu phi thuế quan trừ các quy định riêng áp dụng đối với khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu.*

Theo quy định tại Luật Hải quan, Nghị định 82/2018/NĐ-CP còn có quy định về kho ngoại quan, các loại khu kinh tế, kho bảo thuế...các khu, kho này đều được thành lập theo quy định của pháp luật có liên quan, đáp ứng quy định về khu phi thuế quan. Như vậy, quy định về khu vực hải quan riêng có áp dụng với các loại kho, khu đáp ứng quy định về khu phi thuế quan không thì hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể.

b. Kiến nghị

Để thống nhất cách hiểu, áp dụng văn bản quy phạm pháp luật, Tổng cục Hải quan đề nghị Quý cơ quan là đơn vị chủ trì được giao xây dựng Luật Quản lý ngoại thương có hướng dẫn thống nhất rõ: khu phi thuế quan theo quy định tại Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 có được áp dụng quy định về khu vực hải quan riêng theo Luật Quản lý ngoại thương số 05/2018/QH14 không?

Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 có được áp dụng quy định về khu vực hải quan riêng theo Luật Quản lý ngoại thương số 05/2018/QH14 không?

2. Vướng mắc về việc áp dụng chính sách đối với khu vực hải quan riêng

a. Nội dung vướng mắc:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 56 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 thì chỉ áp dụng một lần các biện pháp quản lý hàng hóa xuất khẩu đối với khu vực hải quan riêng và khoản 3 Điều 57 Luật này quy định chỉ áp dụng một lần các biện pháp quản lý hàng hóa nhập khẩu đối với khu vực hải quan riêng.

Trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu từ nội địa vào khu vực ngoại quan riêng, từ khu vực ngoại quan riêng vào nội địa có phát sinh vướng mắc như sau:

Trường hợp 1: Doanh nghiệp chế xuất nhập khẩu máy vi tính từ nước ngoài để phục vụ hoạt động của DNCX, tại thời điểm nhập khẩu máy vi tính là hàng mới 100%. Tuy nhiên, sau thời gian sử dụng DNCX có nhu cầu thanh lý máy vi tính vào nội địa (bán, biếu, tặng), tại thời điểm làm thủ tục hải quan thanh lý máy vi tính là hàng đã qua sử dụng thuộc diện cấm nhập khẩu theo Thông tư số 31/2015/TT-BTTTT ngày 29/10/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Khi thực hiện thủ tục hải quan cơ quan hải quan căn cứ quy định tại quy định nêu trên của Luật Quản lý ngoại thương, khoản 5 Điều 30 Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định “*Doanh nghiệp chế xuất được bán vào thị trường nội địa tài sản thanh lý của doanh nghiệp và các hàng hóa theo quy định của pháp luật về đầu tư và thương mại. Tại thời điểm bán, thanh lý vào thị trường nội địa không áp dụng chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trừ trường hợp hàng hóa thuộc diện quản lý theo điều kiện, tiêu chuẩn, kiểm tra chuyên ngành chưa thực hiện khi nhập khẩu; hàng hóa quản lý bằng giấy phép thì phải được cơ quan cấp phép nhập khẩu đồng ý bằng văn bản*”; khoản 5 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ quy định “*...thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa thì phải khai tờ khai hải quan mới. Chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan mới trừ trường hợp đã thực hiện đầy đủ chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại thời điểm đăng ký tờ khai ban đầu.*”.

Như vậy, khi áp dụng các quy định này cơ quan hải quan có vướng mắc như sau:

+ Quan điểm 1: Tại thời điểm nhập khẩu máy vi tính là hàng mới đã đáp ứng quy định được phép nhập khẩu, nên khi thực hiện thủ tục thay đổi mục đích

sử dụng áp dụng quy định tại Điều 56 Luật Quản lý ngoại thương thì máy vi tính đã qua sử dụng không thuộc danh mục hàng hóa cấm. Do đó, DNCX được thực hiện thủ tục xuất khẩu máy vi tính vào nội địa và doanh nghiệp nội địa được nhập khẩu máy vi tính không bị điều chỉnh bởi danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu.

+ Quan điểm 2: Căn cứ quy định Điều 56, Điều 57 Luật Quản lý ngoại thương biện pháp quản lý ngoại thương chỉ áp dụng một lần đối với khu vực hải quan riêng, do đó trường hợp này khi doanh nghiệp nội địa nhập khẩu máy vi tính đã qua sử dụng thuộc danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu nên không được phép nhập khẩu.

+ Quan điểm 3: Tại thời điểm nhập khẩu máy vi tính từ nước ngoài vào DNCX không phát sinh chính sách quản lý hàng hóa xuất, nhập khẩu. Khi thanh lý vào nội địa phát sinh chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu, do đó khi thanh lý phải được sự cho phép của cấp có thẩm quyền.

Trường hợp 2: Doanh nghiệp nội địa nhập khẩu hóa chất là tiền chất từ nước ngoài, tại thời điểm nhập khẩu đã được Bộ Công Thương cấp giấy phép nhập khẩu tiền chất. Sau đó, doanh nghiệp này bán hóa chất là tiền chất đã nhập khẩu nêu trên cho doanh nghiệp chế xuất. Theo quy định khoản 3 Điều 9 Thông tư số 42/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 thì *“Tổ chức, cá nhân trong khu chế xuất khi nhập khẩu tiền chất từ các doanh nghiệp nội địa phải có giấy phép của Bộ Công Thương. Tổ chức, cá nhân khi xuất khẩu tiền chất từ nội địa vào khu chế xuất không phải xin giấy phép của Bộ Công Thương”*. Như vậy, DNCX (trong khu chế xuất hoặc ngoài khu chế xuất) khi nhập khẩu tiền chất có nguồn gốc nhập khẩu từ doanh nghiệp nội địa có phải xin Giấy phép nhập khẩu tiền chất của Bộ Công Thương theo quy định nêu trên không hay áp dụng khoản 3 Điều 57 Luật Quản lý ngoại thương thì không phải xin giấy phép trong trường hợp này.

b. Kiến nghị: Qua rà soát các văn bản hướng dẫn Luật quản lý ngoại thương như Nghị định số 69/2018/NĐ-CP chưa có hướng dẫn cụ thể, thống nhất cách hiểu, áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 56 và khoản 3 Điều 57 về việc chỉ áp dụng một lần các biện pháp quản lý ngoại thương đối với khu vực hải quan riêng. Do đó, để có cơ sở thống nhất áp dụng văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện, Tổng cục Hải quan đề nghị Quý cơ quan có ý kiến đối với các vướng mắc nêu trên và hướng dẫn cách hiểu, áp dụng quy định tại Điều 56, Điều 57 Luật quản lý ngoại thương.

3. Vướng mắc về việc thực hiện quyền xuất khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

3.1. Vướng mắc 1

a. Nội dung vướng mắc

Theo quy định tại Điều 3 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ thì:

“...2. Quyền xuất khẩu là quyền mua hàng hóa tại Việt Nam để xuất khẩu, bao gồm quyền đứng tên trên tờ khai hàng hóa xuất khẩu để thực hiện và chịu trách nhiệm về các thủ tục liên quan đến xuất khẩu...”

3. Quyền nhập khẩu là quyền được nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài vào Việt Nam để bán cho thương nhân có quyền phân phối hàng hóa đó tại Việt Nam, bao gồm quyền đứng tên trên tờ khai hàng hóa nhập khẩu để thực hiện và chịu trách nhiệm về các thủ tục liên quan đến nhập khẩu...”

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ: *Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã có quyền xuất khẩu, được xuất khẩu: Hàng hóa mua tại Việt Nam; hàng hóa do tổ chức kinh tế đó đặt gia công tại Việt Nam và hàng hóa nhập khẩu hợp pháp vào Việt Nam ra nước ngoài và khu vực hải quan riêng.*

Như vậy, căn cứ các quy định nêu trên thì được hiểu là doanh nghiệp FDI đã được cấp quyền nhập khẩu thì được nhập khẩu hàng hóa và đã được cấp quyền xuất khẩu thì được xuất khẩu hàng hóa (bao gồm xuất khẩu hàng hóa mà doanh nghiệp đã nhập khẩu hợp pháp theo quyền vào Việt Nam).

Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 thì tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, chỉ được thực hiện tạm nhập, tái xuất hàng hóa theo quy định tại Điều 15 Nghị định này, không được thực hiện hoạt động kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa.

Vì vậy, đối chiếu quy định tại hai văn bản pháp quy nêu trên và thực tế hiện nay cơ quan hải quan đang nhận được yêu cầu giải quyết thủ tục hải quan xuất khẩu hàng hóa theo quyền xuất khẩu của doanh nghiệp FDI và hàng hóa xuất khẩu này có nguồn gốc từ hàng hóa nhập khẩu theo quyền nhập khẩu của chính doanh nghiệp đó.

b. Kiến nghị

Đề nghị Quý cơ quan rà soát, đánh giá lại quy định về hoạt động nêu trên của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tránh trường hợp doanh nghiệp lợi dụng hoạt động theo quyền để né tránh quy định không được thực hiện kinh doanh tạm nhập – tái xuất. Đồng thời, có ý kiến về việc xuất khẩu theo quyền xuất khẩu các hàng hóa nhập khẩu hợp pháp vào Việt Nam là những hàng hóa như thế nào?.

3.2. Vướng mắc 2

a. Nội dung vướng mắc

Theo quy định tại khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 6 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ thì nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn sau khi đăng ký thực hiện các hoạt động

này tại các Giấy tờ có liên quan theo quy định tại Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư thì đối với dự án đầu tư thực hiện theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản quyết định chủ trương đầu tư, nhà đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản quyết định chủ trương đầu tư và quy định của pháp luật có liên quan.

Như vậy, căn cứ quy định nêu trên thì khi giải quyết thủ tục hải quan cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài xuất khẩu theo quyền xuất khẩu hoặc nhập khẩu theo quyền nhập khẩu, cơ quan hải quan căn cứ vào Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với trường hợp phải có Giấy phép kinh doanh.

Thực tế khi giải quyết thủ tục hải quan cho các trường hợp doanh nghiệp FDI xuất khẩu, nhập khẩu theo quyền trên Giấy chứng nhận đầu tư do cơ quan có thẩm quyền cấp thể hiện chung chung doanh nghiệp có quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối tất cả các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, không chi tiết cụ thể các loại hàng hóa được cấp quyền xuất khẩu, nhập khẩu, ví dụ như: Giấy chứng nhận đầu tư số 1040676364 ngày 02/4/2018 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp (*đính kèm*). Với việc cấp phép như vậy rất khó khăn cho cơ quan hải quan khi giải quyết thủ tục hải quan cho doanh nghiệp, Lý do: theo Giấy chứng nhận đầu tư thì doanh nghiệp được quyền nhập khẩu, xuất khẩu các loại hàng hóa trừ hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tuy nhiên tại Điều 2 Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương về việc công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có quy định các danh mục hàng hóa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối hàng hóa.

b. Kiến nghị

Theo quy định tại Luật đầu tư, Nghị định số 09/2018/NĐ-CP không yêu cầu doanh nghiệp FDI phải nộp Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép kinh doanh khi nhập khẩu, xuất khẩu hàng hóa theo quyền của doanh nghiệp FDI. Do đó, căn cứ các quy định trên và thực tế phát sinh cơ quan hải quan sẽ không yêu cầu doanh nghiệp xuất trình các giấy tờ nêu trên khi thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quyền. Doanh nghiệp FDI tự khai, tự chịu trách nhiệm về nội dung khai báo, làm thủ tục theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP, các văn bản khác có liên quan và doanh nghiệp có nghĩa vụ xuất trình cho cơ quan hải quan, các cơ quan có liên quan khi kiểm tra, thanh tra.

Đồng thời, tại khoản khoản 2 Điều 5 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2018/QH14 giao Bộ Công Thương công bố Danh mục hàng hóa, lộ trình thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu theo quy định của điều ước quốc tế mà

nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, đề nghị Quý cơ quan hướng dẫn hiện nay thực hiện theo quy định này như thế nào?.

4. Vương mắc liên quan đến tiêu hủy phế liệu, phế phẩm của hợp đồng gia công

a. Vương mắc

Theo quy định tại khoản 4 Điều 44 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của chính phủ thì việc tiêu hủy các phế liệu, phế phẩm, phế thải (nếu có) chỉ được phép thực hiện sau khi có văn bản cho phép của Sở Tài nguyên - Môi trường và phải được thực hiện dưới sự giám sát của cơ quan Hải quan. Trường hợp không được phép hủy tại Việt Nam thì phải tái xuất theo chỉ định của bên đặt gia công.

Khi thực hiện quy định này, cơ quan hải quan gặp vương mắc như sau:

- Về việc quy định cơ quan hải quan phải giám sát tất cả các trường hợp tiêu hủy phế liệu, phế phẩm của hợp đồng gia công khó khăn cho cơ quan hải quan và doanh nghiệp khi thực hiện.

Lý do: phế liệu, phế phẩm thường xuyên được loại ra trong quá trình sản xuất, đối với các doanh nghiệp lớn tần suất tiêu hủy các phế liệu, phế phẩm này là thường xuyên do đó cơ quan hải quan không đủ lực lượng để giám sát tiêu hủy của tất cả các doanh nghiệp, việc doanh nghiệp tổ chức giám sát sẽ gây tốn kinh phí cho doanh nghiệp.

Ngoài ra, theo quy định tại Điều 17 Luật Hải quan thì cơ quan hải quan áp dụng quản lý rủi ro để quyết định việc kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa, phương tiện vận tải, theo đó hiện nay các hoạt động quản lý của cơ quan hải quan (trong đó có hoạt động giám sát tiêu hủy) đều áp dụng phương pháp quản lý rủi ro được quy định cụ thể tại mục 1 Chương III Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Bộ Tài chính, Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính quy. Trên cơ sở đó tại văn bản tham gia ý kiến xây dựng Nghị định hướng dẫn chi tiết Luật quản lý ngoại thương, Bộ Tài chính có các văn bản số 15134/BTC-TCHQ ngày 08/11/2017 (điểm 27 mục II) đối với Điều quy định về thông báo, thanh lý, quyết toán hợp đồng gia công: đề nghị giao Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục thông báo hợp đồng gia công và quyết toán hoạt động gia công với cơ quan hải quan, đồng thời kiến nghị bỏ các khoản 2, 3, 4, 5 vì pháp Luật về Hải quan đã quy định các thủ tục này và quy định này thực hiện ổn định không vương mắc.

- Về việc tiêu hủy phế liệu, phế phẩm chỉ được thực hiện sau khi có văn bản cho phép của Sở Tài nguyên - Môi trường: Khi thực hiện quy định về tiêu hủy hàng hóa của doanh nghiệp, Bộ Tài chính đã có văn bản trao đổi số 8625/BTC-TCHQ ngày 26/05/2015 với Bộ Tài nguyên môi trường và được trả lời tại công văn số 2796/BTNMT-TCMT (đính kèm) theo đó, pháp luật về môi trường quy định như sau:

về quản lý chất thải nguy hại tại Chương II Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, thông tư số 36/2015/TT-BTNMT. Theo đó, chỉ có Giấy phép xử lý chất thải nguy hại cho đối tượng là doanh nghiệp thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại; chủ nguồn chất thải nguy hại có trách nhiệm đăng ký với Sở Tài nguyên và Môi trường (không quy định phải có giấy phép);

+ Trường hợp tiêu hủy máy móc, thiết bị, phế liệu, phế phẩm không phải là chất thải nguy hại thì thực hiện các quy định về quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường tại Chương IV Nghị định số 38/2015/NĐ-CP. Theo đó, không quy định chủ chất thải rắn phải có văn bản cho phép của Sở tài nguyên môi trường, chỉ quy định về việc báo cáo tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường trong báo cáo giám sát môi trường định kỳ.

Do đó, khi thực hiện quy định nêu trên đang gây khó khăn cho cơ quan hải quan trong việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật và doanh nghiệp phát sinh thủ tục hành chính, chi phí khi xin phép Sở Tài nguyên môi trường để được tiêu hủy.

- Theo quy định nêu trên không có quy định về việc tiêu hủy nguyên liệu, máy móc, thiết bị của hợp đồng gia công. Trong khi thực tế phát sinh có việc tiêu hủy này. Nội dung này khi thực hiện Bộ Tài chính đã lấy ý kiến của Bộ Công Thương tại công văn số 8625/BTC-TCHQ ngày 26/05/2015.

b. Kiến nghị: Đề nghị Quý cơ quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc tiêu hủy nguyên liệu, vật tư, máy móc, phế liệu, phế phẩm của hợp đồng gia công thực hiện theo quy định pháp luật về hải quan và pháp luật về môi trường. Trong khi chờ hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, để không ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp và cơ quan hải quan thực hiện được thì Tổng cục Hải quan sẽ hướng dẫn thực hiện thủ tục giám sát tiêu hủy nguyên liệu, vật tư, máy móc, phế liệu, phế phẩm của hợp đồng gia công theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 64 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 42 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/04/2018 của Bộ Tài chính.

Ý kiến gửi về Tổng cục Hải quan (Cục Giám Sát quản lý về hải quan) trước ngày 25/09/2018 để Tổng cục Hải quan kịp thời hướng dẫn các đơn vị và doanh nghiệp thực hiện.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Bộ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Vũ Thị Mai – Thứ trưởng BTC (để b/c);
- Đ/c Nguyễn Văn Cần – TCT (để b/c);
- Đ/c Mai Xuân Thành – PTCT (để b/c);
- Cục XNK – Bộ CT;
- Cục Hóa Chất – Bộ CT;
- Vụ Kế hoạch – Bộ CT;
- Văn phòng Tổng cục (để theo dõi);
- Lưu: VT, GSQL (3b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Mai Xuân Thành